TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Ông Nguyễn Sơn Hóa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Tô Thị Vân A** - SN 1969 (Có mặt)

ĐKHKTT: số 6/270/1 phố G, phường G, quận H, Hà Nội

Nơi cư trú: số 1A, ngõ 254 phố G, phường G, quận H, Hà Nội

- *Bị đơn*: **Ông Phạm Xuân T** - SN 1965 (Có mặt)

ĐKHKTT: số 6/270/1 phố G, phường G, quận H, Hà Nội

Nơi cư trú: số 1A, ngõ 254 phố G, phường G, quận H, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/11/2021 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Tô Thị Vân A trình bày:

Bà và ông Phạm Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/12/1992 tại UBND phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng bà ở nhiều nơi khác nhau, đến năm 1998 thì chuyển về sống tại địa chỉ trên. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Ông T cứ uống rượu là về chửi bới vợ con, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự

nơi ở. Trước đây đã một lần bà gửi đơn đến Tòa xin ly hôn, lúc đó ông T hứa sẽ sửa chữa và vì con cái còn nhỏ nên bà đồng ý rút đơn về. Tuy nhiên ông T vẫn thường xuyên uống rượu rồi về chửi mắng bà, xúc phạm cả gia đình bố mẹ của bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên bà xin được ly hôn ông T, không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng bà có 01 con chung là Phạm Hà T sinh ngày 29/9/1993 hiện nay đã trưởng thành tự lập, do vậy khi ly hôn bà không có yêu cầu gì về con chung

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: bà không tranh chấp gì về tài sản chung vợ chồng và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 28/7/2022, bị đơn là ông Phạm Xuân T trình bày:

Ông và bà Tô Thị Vân A kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/12/1992 tại UBND phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi lấy nhau, vợ chồng ông trải qua nhiều giai đoạn, chuyển công tác, chuyển nơi ở từ Quảng Bình ra Hà Nội, tuy vất vả khó khăn nhưng vợ chồng ông vẫn chung tay để xây dựng gia đình. Trong cuộc sống cũng có lúc vợ chồng cãi vã, nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Vợ ông sức khỏe không được tốt, nhiều lần phải mổ xẻ, ông một lòng chăm sóc không kêu ca phàn nàn. Mấy năm vừa qua, do tình hình dịch bệnh, công việc của ông gặp nhiều khó khăn, thậm chí không có việc làm, thu nhập giảm sút. Do vậy kinh tế gia đình ngày càng đi xuống. Sau hơn 30 năm chung sống, ông thấy vợ chồng không có lý do gì để ly hôn, ông không muốn gia đình ly tán. Nếu có gì sai thì ông xin hứa thay đổi và sửa chữa để gia đình được yên ấm. Nếu bản thân ông không thay đổi, không tốt hơn mà bà Vân A vẫn kiên quyết xin ly hôn thì ông tôn trọng quyết định của vợ và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là Phạm Hà T sinh ngày 29/9/1993 hiện nay đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng ông bà có một ngôi nhà 3,5 tầng trên diện tích đất 40,66m2 tại địa chỉ số 1A, ngõ 254 phố G, phường G, quận H, Hà Nội, hai vợ chồng đang ở, có nguồn gốc do hai vợ chồng cùng mua và xây dựng, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận. Nếu vợ chồng ly hôn, ông có có quan điểm là nhà đất hai vợ chồng vẫn dùng chung, ông bà sẽ tự thỏa thuận mỗi người ở một tầng không làm phiền đến cuộc sống của nhau. Sau này nếu bán nhà thì phải có chữ ký của cả hai bên, bán theo giá thị trường và chia đôi. Còn tại thời điểm hiện nay ông không yêu cầu chia tài sản chung vì nhà đất chưa có giấy tờ pháp lý, ông cũng không có khả năng nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản vợ chồng.

Tại phiên toà hôm nay:

Bà Vân A giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Bà không đồng ý đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không hàn gắn được. Từ năm 1995, bà đã từng gửi đơn xin ly hôn ông T tại Quảng Bình, nhưng sau đó do con còn nhỏ, ông T hứa sửa chữa nên bà đã rút đơn về. Sau khi chuyển về Hà Nội sinh sống, do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, bà đã đến Tòa án quận H để xin mẫu đơn ly hôn, nhưng sau đó thì không gửi đơn. Đây là lần thứ ba bà xin ly hôn chồng do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, ông T thường xuyên uống rượu rồi về chửi mắng vợ con, xúc phạm bà nhiều lần. Ông T tự vay nợ không trả được, bà đã bị người lạ gọi điện đến đòi nợ. Lần đầu thì bà có trả nợ thay cho ông T, nhưng sau này thì bà không trả được nữa. Về con chung của ông bà đã trưởng thành trên 18 tuổi nên cháu sẽ tự quyết định ở với ai sau khi ông bà ly hôn. Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án xem xét

Ông T xác nhận ông có vay nợ để làm ăn nhưng bị thua lỗ, ông hứa sẽ không để vợ ông phải trả nợ thay. Ông đề nghị bà Vân A cho ông thời gian để ông khắc phục và sửa chữa khuyết điểm. Ông không đồng ý ly hôn, nhưng nếu bà Vân A cương quyết xin ly hôn thì ông sẽ chấp hành mọi phán quyết của Tòa án. Về con chung và tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tô Thị Vân A với ông Phạm Xuân T. Về con chung: ông bà có 01 con chung là Phạm Hà T sinh ngày 29/9/1993 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xét. Vợ chồng ông bà không yêu cầu gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Bà Tô Thị Vân A và ông Phạm Xuân T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/12/1992 tại UBND phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp tiến bộ. Ông bà đã có nhiều năm chung sống, nhưng theo nguyên đơn trình bày thì đây không phải là lần đầu tiên bà gửi đơn đến Tòa xin

ly hôn, chứng tỏ cuộc sống chung của ông bà đã có rạn nứt mâu thuẫn từ lâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà Vân A vẫn cương quyết xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Về phía ông T không đồng ý ly hôn vì vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì, nhưng ông T không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn gia đình. Qua điều tra xác minh, đại diện địa phương nơi ông bà cư trú xác nhận vợ chồng ông bà có mâu thuẫn, tổ dân phố đã góp ý và hòa giải nhưng không được. Chị Phạm Hà T là con gái duy nhất của ông bà cũng xác nhận bố mẹ chị thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc và đã kéo dài nhiều năm. Nay bố mẹ chị ly hôn, chị tôn trọng quyết định của bố mẹ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà Vân A vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, xét thấy tình trạng mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Vân A là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tô Thị Vân A đối với ông Phạm Xuân T.

[2] Về con chung: bà Vân A và ông Tùng có 01 con chung là Phạm Hà T sinh ngày 29/9/1993 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: bà Vân A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét. Ông T có khai về tài sản chung vợ chồng nhưng ông không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: bà Vân A phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Vân A được ly hôn ông Phạm Xuân T.

2. Về con chung: xác nhận bà Vân A và ông T có 01 con chung là Phạm Hà T sinh ngày 29/9/1993, hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: bà Vân A và ông T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: bà Tô Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2020/0050324 ngày 07/7/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội. Bà Vân A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội
- UBND phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình (số 81, Quyển số 01 ngày 22/12/1992)
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu